

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng**  
**trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2023**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 30/TTr-SNN ngày 27 tháng 02 năm 2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2023 với các nội dung sau đây:

**1.** Tổng diện tích tự nhiên của tỉnh Kon Tum là 967.418,35 ha.

**2.** Diện tích rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum tính đến 31 tháng 12 năm 2023 là 780.530,86 ha, trong đó:

a) Diện tích đất có rừng là 616.123,37 ha, gồm có:

- Rừng tự nhiên là 552.287,28 ha; trong đó: Rừng gỗ là 478.161,11 ha, rừng tre nứa là 21.482,87 ha và rừng hỗn giao gỗ và tre nứa là 52.643,30 ha.

- Rừng trồng là 63.836,09 ha; trong đó: Rừng trồng cao su và đặc sản là 40.038,00 ha và rừng trồng các loại cây lâm nghiệp khác là 23.798,09 ha.

b) Diện tích đất chưa có rừng là 164.407,49 ha; trong đó bao gồm cả 16.804,70 ha đất đã trồng chưa thành rừng.

**3. Độ che phủ rừng:** Độ che phủ rừng trên toàn tỉnh Kon Tum tính đến 31 tháng 12 năm 2023 đạt 63,69 %.

*(Chi tiết tại biểu số 1, 2, 3, 4 kèm theo)*

**Điều 2.** Kết quả theo dõi diễn biến rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2023 là số liệu để tích hợp vào cơ sở dữ liệu theo dõi diễn biến rừng cấp quốc gia, phục vụ công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2023.

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 38, Điều 40 Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các thông tin, số liệu, diện tích đất có rừng và đất lâm nghiệp, độ che phủ rừng trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị liên quan thực hiện quản lý, theo dõi và cập nhật diễn biến rừng các năm tiếp theo theo quy định.

**Điều 4.** Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (b/c);
- Cục Kiểm lâm (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp;
- Các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng;
- VP UBND tỉnh: CVP (đ/b);
- Lưu: VT, NNTN<sub>N.TT</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hữu Tháp**